

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Khuru Liên Dung.

- Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trần Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Quách Thị Cúc M**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: **Số B, đường L, Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**. “Vắng mặt”

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Tiến K**, sinh năm 1977. Nơi cư trú: **Số B, đường L, Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Quách Thị Cúc M** trình bày: Về hôn nhân: chị và anh **Huỳnh Tiến K** tự nguyện kết hôn năm 2010, được Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/6/2010 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 02/10. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến với nhau, anh **K** không chăm lo cho vợ con, chỉ lo cho cá nhân anh **K**, cuộc sống hằng ngày chị là người phải chăm lo cho cuộc sống gia đình,

từ con cái cho đến những sinh hoạt trong gia đình, lâu ngày thì tình cảm vợ chồng không còn. Tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không có biện pháp hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **Huỳnh Tiến K.**

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh **Huỳnh Tiến K** có 01 người con chung tên **Huỳnh Mai Y**, sinh ngày 23/4/2011. Hiện nay cháu **Y** đang sống chung cùng chị **M**. Khi ly hôn chị **M** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Y**, không yêu cầu anh **Huỳnh Tiến K** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về phía bị đơn anh **Huỳnh Tiến K** trình bày: Tại biên bản lấy lời khai của anh **Huỳnh Tiến K** vào ngày 25/7/2024 thể hiện anh thống nhất với lời trình bày của chị **Quách Thị Cúc M** về vấn đề hôn nhân cũng như mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, tuy vợ chồng vẫn sống cùng một nhà nhưng vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị **M** yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung: quá trình chung sống anh và chị **M** có 01 người con chung tên **Huỳnh Mai Y**, sinh ngày 23/4/2011. Hiện nay cháu **Y** đang sống chung cùng chị **M**. Khi ly hôn anh **K** đồng ý giao cháu **Y** cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, chị **M** và anh **K** chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn, không sống chung trong một thời gian dài, không thể hàn gắn. Vì vậy, chị **M** yêu cầu ly hôn và anh **K** đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **M**. Về con chung: Giao cháu **Huỳnh Mai Y**, sinh ngày 23/4/2011 cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị **M** không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con nên không đặt

ra xem xét. Đối với tài sản chung: chị **M** và anh **K** xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung chị **M** và anh **K** xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Quách Thị Cúc M** yêu cầu ly hôn với anh **Huỳnh Tiến K**, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn anh **Huỳnh Tiến K** cư trú tại **số B, đường L, Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu** nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị **M** và bị đơn anh **K** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **M** và anh **K**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Quách Thị Cúc M** và anh **Huỳnh Tiến K** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/6/2010 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 02/10 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến với nhau, chị **Quách Thị Cúc M** và anh **Huỳnh Tiến K** đã không thấy được mục đích và ý nghĩa của hôn nhân, không tìm ra được biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng dù vợ chồng vẫn sống cùng một nhà nhưng đã sống ly thân nhiều năm nay, mỗi người đều sống cuộc sống riêng. Xét thấy, hôn nhân của chị **Quách Thị Cúc M** và anh **Huỳnh Tiến K** đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị **M** yêu cầu ly hôn, anh **K** cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Quách Thị Cúc M** và anh **Huỳnh Tiến K** theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị **Quách Thị Cúc M** và anh **Huỳnh Tiến K** thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên **Huỳnh Mai Y**, sinh ngày 23/4/2011. Hiện nay cháu **Y** đang sống chung cùng chị **M**. Khi ly hôn chị **M** và anh **K** thống nhất giao cháu **Y** cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự

nguyện thỏa thuận giữa chị **M** và anh **K** về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phù hợp theo quy định pháp luật, đồng thời tại biên bản lấy lời khai của cháu **Huỳnh Mai Y** vào ngày 11/6/2024 thể hiện cháu có nguyện vọng muốn sống chung với chị **M**. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị **M** và anh **K**, giao cháu **Huỳnh Mai Y**, sinh ngày 23/4/2011 cho chị **Quách Thị Cúc M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **Huỳnh Tiến K** có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Quách Thị Cúc M** không yêu cầu anh **Huỳnh Tiến K** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị **Quách Thị Cúc M** và anh **Huỳnh Tiến K** thống nhất xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị **Quách Thị Cúc M** và anh **Huỳnh Tiến K** thống nhất xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, nhưng do các đương sự thuận tình ly hôn nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị **Quách Thị Cúc M** tự nguyện nộp thay cho anh **K**, do đó chị **M** phải chịu án phí 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Quách Thị Cúc M** và anh **Huỳnh Tiến K**.

2. Về con chung: Giao cháu **Huỳnh Mai Y**, sinh ngày 23/4/2011 cho chị **Quách Thị Cúc M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu **Y** đang sống chung cùng chị **M** nên được giữ nguyên). Anh **Huỳnh Tiến K** có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Quách Thị Cúc M** không yêu cầu anh **Huỳnh Tiến K** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị **Quách Thị Cúc M** và anh **Huỳnh Tiến K** thống nhất xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị **Quách Thị Cúc M** và anh **Huỳnh Tiến K** thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Chị **Quách Thị Cúc M** tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị **Quách Thị Cúc M** đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002672 ngày 16/5/2024, được đối trừ, chị **Quách Thị Cúc M** được nhận lại 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Nguyệt Hồ Khưu Liên Dung

Bùi Công Bằng